

Số: 16 /2020/NQ-HĐND

Hà Nam, ngày 08 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Hà Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI TÁM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/NQ-UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm
2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Chính phủ quy định về các nguyên tắc,
tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai
đoạn 2021- 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ
tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/NQ-UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ
Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư
công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 3613/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2020 của UBND
tỉnh về việc đề nghị ban hành nghị quyết quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và
định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 -
2025 tỉnh Hà Nam, Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân
dân tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Nhất trí thông qua các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân
bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh
Hà Nam như sau:**

**1. Nguyên tắc chung phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà
nước giai đoạn 2021 - 2025**

1.1. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn
2021-2025 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách
nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan.

1.2. Trong quá trình điều hành ngân sách nhà nước, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước sử dụng theo quy định tại Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước, đối với phần vốn dành cho đầu tư phát triển (nếu có) báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép ưu tiên bố trí để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi vốn ứng trước có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương theo quy định.

1.3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước phải phục vụ cho mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh theo Quy hoạch tỉnh đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050.

Đảm bảo việc quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách và thực hiện phân cấp đầu tư theo quy định của pháp luật và các quy định hiện hành của địa phương.

1.4. Bảo đảm hợp lý giữa việc phục vụ các mục tiêu phát triển của tỉnh với các địa phương trong tỉnh; thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống dân cư giữa các huyện, thị xã, thành phố. Thực hiện hỗ trợ vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh cho các xã xây dựng nông thôn mới; chú trọng các xã còn khó khăn. Định mức chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách tập trung phân cấp cho cấp huyện ổn định 5 năm 2021-2025 với mức năm sau không thấp hơn năm trước.

1.5. Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước. Bảo đảm sử dụng vốn ngân sách có hiệu quả, tạo điều kiện thu hút, huy động các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển; bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong phân bổ vốn đầu tư.

1.6. Các dự án được bố trí vốn phải trong quy hoạch, kế hoạch đầu tư trung hạn 2021-2025, có đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

1.7. Bố trí vốn tập trung đảm bảo hiệu quả đầu tư, theo thứ tự ưu tiên (có quy định thứ tự ưu tiên cụ thể tại mục 2).

1.8. Ủy ban nhân dân các cấp phân bổ chi tiết 90 % tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn theo danh mục và mức vốn cho từng dự án, dành lại dự phòng 10% tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn của địa phương.

2. Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 như sau:

- Phân bổ đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản;
- Phân bổ đủ vốn để hoàn trả vốn ứng trước kế hoạch nhưng chưa có nguồn để hoàn trả trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước (nếu còn);
- Phân bổ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn;
- Dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (bao gồm cả vốn đối ứng);

- Vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư;

- Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

- Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch; chuẩn bị đầu tư, đề lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án;

- Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 51 của Luật Đầu tư công.

3. Cơ cấu phân bổ vốn đầu tư công nguồn cân đối ngân sách địa phương

Tỷ lệ phân bổ các nguồn vốn đầu tư gồm ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện, thành phố:

a) Vốn ngân sách tập trung: ngân sách tỉnh 70%; ngân sách cấp huyện, cấp xã (sau đây gọi là ngân sách cấp huyện) 30%.

b) Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm từng nguồn thu, nhiệm vụ chi cho các cấp ngân sách.

c) Vốn thu từ xổ số kiến thiết: ngân sách tỉnh 100%, bố trí đầu tư cho lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo.

d) Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: ngân sách tỉnh 100%.

4. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tập trung trong cân đối của địa phương đối với ngân sách cấp huyện.

4.1. Các tiêu chí:

- Tiêu chí dân số.

- Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm: tỷ lệ hộ nghèo, số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết), tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh so với tổng chi ngân sách cấp huyện.

- Tiêu chí diện tích, gồm: diện tích đất tự nhiên, tỷ lệ diện tích đất trồng cây hàng năm trên tổng diện tích đất tự nhiên.

- Tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã.

4.2. Xác định điểm số từng tiêu chí cụ thể:

a) Tiêu chí dân số (lấy dân số trung bình năm 2019 được Cục Thống kê tỉnh công bố):

Số dân trung bình	Điểm
Đến 100 ngàn người	10
Trên 100 ngàn người, cứ tăng thêm 10 ngàn người được thêm	1

b) Tiêu chí về trình độ phát triển (bao gồm 3 tiêu chí): tỷ lệ hộ nghèo; số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết); tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh so với tổng chi ngân sách cấp huyện.

- Điểm của tiêu chí hộ nghèo (căn cứ số liệu điều tra hộ nghèo năm 2020, theo quyết định của UBND tỉnh):

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Cứ 1 % hộ nghèo được	0,5

- Điểm của tiêu chí thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết; căn cứ dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2020 được UBND tỉnh giao):

Thu nội địa	Điểm
Đến 30 tỷ đồng	4
Từ trên 30 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	3
Từ trên 50 tỷ đồng đến 80 tỷ đồng	2
Từ trên 80 tỷ đồng đến 150 tỷ đồng	1
Từ trên 150 tỷ đồng	0,5

- Điểm của tiêu chí tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh so với tổng chi ngân sách cấp huyện (căn cứ dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2020 được Ủy ban nhân dân tỉnh giao):

Tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh	Điểm
Các địa phương có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh trên 0% đến 10% được tính	10
Các địa phương có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh trên 10% đến 30%, từ 0% đến 10% được tính 10 điểm, phần còn lại cứ 2% tăng thêm được tính	3
Các địa phương có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh trên 30% đến 50%, từ 0% đến 30% được tính là 40 điểm, phần còn lại cứ 2% tăng thêm được tính	1
Các địa phương có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh, trên 50% trở lên, từ 0% đến 50% được tính là 50 điểm, phần còn lại cứ 2% tăng thêm được tính	0,5

c) Tiêu chí diện tích (bao gồm 2 tiêu chí): diện tích đất tự nhiên và tỷ lệ diện tích đất trồng cây hàng năm trên tổng diện tích đất tự nhiên (Lấy theo số liệu diện tích đất tự nhiên và diện tích trồng cây hàng năm tính đến ngày 31/12/2019 do Cục Thống kê cung cấp).

- Điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên:

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
Đến 5.000 ha	5
Từ trên 5.000 ha đến 10.000 ha, cứ thêm 1.000 ha được	0,5
Từ trên 10.000 ha, cứ thêm 1.000 ha được	0,3

- Điểm của tiêu chí tỷ lệ diện tích đất trồng cây hàng năm trên tổng diện tích đất tự nhiên.

Tỷ lệ diện tích đất trồng cây hàng năm trên diện tích đất tự nhiên	Điểm
Đến 20%	0
Từ trên 20% đến 30, cứ thêm 1% được	0,3
Từ trên 30%, cứ thêm 1% được	0,5

d) *Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã*: mỗi đơn vị cấp xã tính 1 điểm.

4.3. *Xác định mức vốn phân bổ cho mỗi đơn vị cấp huyện:*

Gọi A là số vốn hàng năm từ ngân sách tập trung phân cấp cho ngân sách cấp huyện.

Căn cứ vào các tiêu chí, xác định cụ thể số điểm của từng đơn vị cấp huyện (gọi là B_i). Tổng số điểm (B) = tổng số điểm B_i của 6 đơn vị cấp huyện.

$$\text{Vốn định mức cho 1 điểm (K)} = \frac{A (\text{Tổng số vốn})}{B (\text{Tổng số điểm})}$$

Số vốn của từng đơn vị cấp huyện được phân bổ (V_i): $V_i = K \times B_i$

5. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 973/2020/NQ-UBTVQH14 ngày 8/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021- 2025; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khoá XVIII, Kỳ họp thứ mười tám thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VBQPPL -BTP;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBND TTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, các Tổ, các ĐB HĐND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT; Tài chính;
- TTHĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Sỹ Lợi